

Bản án số: 59/2017 /DS-ST

Ngày: 08/8/2017

V/v : “Tranh chấp hợp đồng góp hội”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE - TỈNH BẾN TRE
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Khánh - Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bé Em

2. Ông Trần Văn Hưng

Thư ký phiên tòa : Bà Hồ Thị Yến Nhi - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Hồng Nga – Kiểm sát viên.

Ngày 08/8/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre - tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 88/2017/TLST-DS ngày 05/4/2017 về tranh chấp nợ hội theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số : 54/2017/QĐXX-ST, ngày 30/5/2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Châu Thị M, sinh năm 1970; Địa chỉ: Khu Phố A, phường PK, thành phố BT, tỉnh Bến Tre;

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Mỹ H, sinh năm 1972; Địa chỉ : Khu Phố B, phường PK, thành phố BT, tỉnh Bến Tre (Vắng mặt) ;

Bà Hạnh ủy quyền cho ông Nguyễn Bảo Q, sinh năm 1976; Địa chỉ : số ấp BAB, thị trấn CL, huyện CL, tỉnh Bến Tre(Văn bản ủy quyền ngày 03/7/2017);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 28/3/2017 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Châu Thị M trình bày :

Từ năm 2015 đến năm 2016, bà Châu Thị M đã tham gia hợp đồng góp hội với tổng cộng 06 dây hội do bà Nguyễn Mỹ H làm chủ hội gồm :

- Dây 1 : Hội 2.000.000 đồng/nửa tháng, khai ngày 15/7/2016 âm lịch và 30 âm lịch, tham gia 05 phần hội, số tiền hội đã đóng 67.500.000đồng.

- Dây 2 : Hội 3.000.000 đồng/nửa tháng, khai ngày 10/01/2016 âm lịch và 25 âm lịch hàng tháng, tham gia 01 phần hội, số tiền hội đã đóng 58.280.000 đồng.

- Dây 3 : Hội 2.000.000 đồng/nửa tháng, khai ngày 10/6/2016 âm lịch và 25 âm lịch hàng tháng, tham gia 04 phần hội, số tiền hội đã đóng 63.840.000 đồng.

- Dây 4 : Hụi 2.000.000 đồng/nửa tháng, khai ngày 30/8/2016 âm lịch và 15 âm lịch hàng tháng, tham gia 04 phần hụi, số tiền hụi đã đóng 39.480.000 đồng.

- Dây 5 : Hụi 3.000.000 đồng/nửa tháng, khai ngày 20/6/2016 âm lịch và 05 âm lịch hàng tháng, tham gia 03 phần hụi, số tiền hụi đã đóng 76.130.000 đồng. Đã hốt một phần 48.090.000 đồng. Số tiền vốn trừ ra còn lại 28.040.000 đồng.

- Dây 6 : Hụi 5.000.000 đồng/ tháng, khai ngày 28/10/2015 âm lịch, tham gia 01 phần hụi, số tiền hụi đã đóng 44.970.000 đồng. Đã hốt hụi còn nợ bà Nguyễn Mỹ Hạnh 32.030.000 đồng.

Tổng cộng các dây hụi bà Châu Thị M đã đóng cho bà Hạnh là 225.110.000 (Hai trăm hai mươi lăm triệu, một trăm mười ngàn) đồng.

Đến ngày 28.12.2016 âm lịch(25/1/2017 dương lịch), bà Nguyễn Mỹ H ghi giấy tay xác nhận nợ hụi số tiền 225.110.000 (Hai trăm hai mươi lăm triệu, một trăm mười ngàn) đồng phải trả lại cho bà Châu Thị M.

Do bà H vi phạm nghĩa vụ thực hiện hợp đồng góp hụi nên bà Châu Thị M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Mỹ H phải trả cho bà M với tổng số tiền vốn là 225.110.000 (Hai trăm hai mươi lăm triệu, một trăm mười ngàn) đồng và không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Nguyễn Mỹ H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng bà đều vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau :

Thẩm phán được phân công giải quyết thụ lý vụ án đã thực hiện đúng, quy định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định. Bị đơn bà H không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, không tham gia phiên tòa theo thông báo hợp lệ của Tòa án là vi phạm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự .

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 15, 29 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M, buộc bà H trả cho bà M số tiền 225.110.000 (Hai trăm hai mươi lăm triệu, một trăm mười ngàn) đồng. Ghi nhận việc bà M không khởi kiện ông Nguyễn Ngọc C liên đới cùng bà H trả nợ và không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Châu Thị M khởi kiện bà Nguyễn Mỹ H phải trả 225.110.000 (Hai trăm hai mươi lăm triệu, một trăm mười ngàn) đồng tiền hụi vốn, vì vậy quan hệ pháp luật vụ án này là tranh chấp Hợp đồng góp hụi theo quy định tại 471 Bộ luật Dân sự

năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre theo quy định khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn bà Nguyễn Mỹ H và ông Nguyễn Bảo Q đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ như : Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà H và ông Q đều vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Từ năm 2015 đến năm 2016, bà Châu Thị M đã tham gia hợp đồng góp hui với 04 dây hui với tổng số tiền đã góp là 225.110.000 (Hai trăm hai mươi lăm triệu, một trăm mười ngàn) đồng do bà Nguyễn Mỹ H làm chủ hui. Về chứng cứ chứng minh là Giấy thôi hui vốn của bà Nguyễn Mỹ H với số tiền thôi hui vốn phải trả là 225.110.000 (Hai trăm hai mươi lăm triệu, một trăm mười ngàn) đồng (Bút lục số 09) . Do bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán và yêu cầu khởi kiện của bà M là có căn cứ và hợp pháp nên Hội đồng xét xử chấp nhận và buộc bà Nguyễn Mỹ H phải trả cho bà Châu Thị M số tiền 225.110.000 (Hai trăm hai mươi lăm triệu, một trăm mười ngàn) đồng tiền hui theo quy định tại Điều 15, 29 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ và Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ghi nhận bà Châu Thị M không khởi kiện ông Nguyễn Ngọc C liên đới cùng bà Nguyễn Mỹ H trả nợ và không yêu cầu tính lãi số tiền nêu trên.

[4] : Do yêu cầu của bà Châu Thị M được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nên bà H phải chịu toàn bộ án phí.

Án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về dân sự có giá ngạch, bà Nguyễn Mỹ H phải chịu số tiền là $225.110.000 \text{ đ} \times 5\% = 11.255.500 \text{ đ}$ (Mười một triệu, hai trăm năm mươi lăm ngàn, năm trăm) đồng theo quy định tại Phần II mục 1.3 điểm b Danh mục Án phí, Lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016) .

Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố BT trả lại số tiền 5.628.000 (Năm triệu, sáu trăm hai mươi tám ngàn) đồng về khoản tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010400 ngày 03 tháng 4 năm 2017 cho bà Châu Thị M.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 357 và 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 15, 29 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ; Điều 26, 147 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử :

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Châu Thị M. Buộc bà Nguyễn Mỹ H phải trả cho bà Châu Thị M 225.110.000 (Hai trăm hai mươi lăm triệu, một trăm mười ngàn) đồng tiền hối.

Ghi nhận bà Châu Thị M không khởi kiện ông Nguyễn Ngọc C liên đới cùng bà Nguyễn Mỹ H trả nợ và không yêu cầu tính lãi số tiền nêu trên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, đồng thời có đơn yêu cầu thi hành án của bà Châu Thị M nếu bà Nguyễn Mỹ H chưa trả số tiền nêu trên thì hàng tháng phải chịu lãi suất chậm thanh toán theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi trả xong nợ.

2. Về Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, bà Nguyễn Mỹ H phải chịu số tiền là 11.255.500 đ (Mười một triệu, hai trăm năm mươi lăm ngàn, năm trăm) đồng.

Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố BT trả lại số tiền 5.628.000 (Năm triệu, sáu trăm hai mươi tám ngàn) đồng về khoản tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010400 ngày 03 tháng 4 năm 2017 cho bà Châu Thị M.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, được thi hành theo qui định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND. thành phố Bến Tre;
- TAND. tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS. thành phố BT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Ngọc Khánh